



PHỤ LỤC 1

Quy đổi giờ chuẩn theo nhiệm vụ giảng dạy

1.1 Giảng dạy lý thuyết:

Bảng quy đổi tiết giảng thành giờ chuẩn giảng dạy theo hệ đào tạo

Loại hình đào tạo	Tiết giảng	Giờ chuẩn ($T_{hệ}$)
Cao đẳng	1	1,4
Đại học chính quy	1	1,8
Đại học không chính quy	1	1,6
Chương trình tiên tiến, hệ đào tạo kỹ sư tài năng, PFIEV	1	2
Giảng dạy các môn học bằng tiếng nước ngoài (không phải là môn ngoại ngữ)	1	2
Thạc sĩ	1	2,5
Tiến sĩ	1	3

$$\text{Giờ chuẩn giảng dạy lý thuyết} = T_{LL} \times T_{hệ}$$

Trong đó: T_{LL} là số tiết lý thuyết theo đề cương môn học.

1.2 Hướng dẫn bài tập, thực hành, thí nghiệm, tiểu luận:

Công việc	Tiết giảng	Giờ chuẩn
Hướng dẫn bài tập, thực hành, thí nghiệm trên lớp cho sinh viên hệ cao đẳng, đại học, sau đại học (*)	1	1
Hướng dẫn tiểu luận, báo cáo chuyên đề cho học viên hệ sau đại học (**)	1	1,5
Hướng dẫn thực tập ngoài trường, đi ngoại khóa	1 ngày làm việc	4

(*) Sĩ số lớp chuẩn cho bài tập:

- + Bậc cao đẳng, đại học: 60 sv/nhóm lớp
- + Bậc cao học: 30 sv/nhóm lớp

(**) Sĩ số lớp chuẩn cho thực hành, thí nghiệm:

- + Bậc cao đẳng, đại học: 25 sv/nhóm lớp
- + Bậc cao học: 15 sv/nhóm lớp

1.3 Hướng dẫn đồ án, khóa luận, chuyên đề, luận văn, luận án:

Công việc	Đơn vị	Giờ chuẩn
Hướng dẫn đồ án môn học	Đồ án	2
Hướng dẫn luận văn tốt nghiệp đại học	Luận văn	10
Hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp cao học	Khóa luận	10
Hướng dẫn luận văn thạc sĩ	Luận văn	20
Hướng dẫn luận văn thạc sĩ theo hướng nghiên cứu	Luận văn	40
Hướng dẫn chuyên đề tiến sĩ	Chuyên đề	10
Hướng dẫn luận án tiến sĩ	Luận án/năm	50

Ghi chú: Trường hợp có nhiều cán bộ hướng dẫn thì cán bộ hướng dẫn chính được tính 70% giờ chuẩn, các cán bộ còn lại được tính 30%

1.4 Hướng dẫn phụ đạo thi Olympic, Giáo viên chủ nhiệm

Công việc	Đơn vị tính	Giờ chuẩn
Ôn thi, phụ đạo SV đi thi Olympic	1 đội tuyển (1 môn thi)	Tính theo mục 1.1
Bồi dưỡng giáo viên chủ nhiệm (GVCN)	60 SV có đăng ký học	HK chính: 25 HK hè: 10

1.5 Quy đổi giờ làm việc của các Hội đồng đánh giá trong hoạt động đào tạo

Loại hình đánh giá	Đơn vị tính	Giờ làm việc	
		Phản biện	Hội đồng
Hội đồng đánh giá luận văn tốt nghiệp đại học	LV	2	3
Hội đồng đánh giá tiểu luận tốt nghiệp cao đẳng	TL	1,5	2
Đánh giá chuyên đề nghiên cứu, đề cương LV thạc sĩ	SV	--	3
Hội đồng đánh giá khóa luận tốt nghiệp thạc sĩ (Chủ tịch, Thư ký và 1 ủy viên).	KL	--	15 (CT: 6, TK: 5, UV 4)
Hội đồng đánh giá luận văn thạc sĩ (Chủ tịch, Thư ký, 2 Phản biện và 1 ủy viên).	LV	20 (2 PB)	15 (CT: 6, TK: 5, UV 4)
Hội đồng đánh giá chuyên đề tiến sĩ (Chủ tịch, Thư ký và 1 ủy viên).	CĐ	--	15 (CT: 6, TK: 5, UV 4)
Hội đồng đánh giá LATS cấp cơ sở (Chủ tịch, Thư ký, 2 Phản biện và 3 ủy viên).	LA	30 (2 PB)	35 (CT:10, TK: 10, 3 UV: 15)
Phản biện độc lập LATS	LA	30 (2 PB)	--
Hội đồng đánh giá LATS cấp Nhà nước (Chủ tịch, Thư ký, 3 Phản biện và 2 ủy viên).	LA	45(3 PB)	30 (CT:10, TK: 10, 2 UV: 10)



PHỤ LỤC 2
Quy đổi giờ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

Điều kiện để được tính giờ làm việc từ các hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ là các công bố Khoa học, hợp đồng chuyển giao công nghệ phải mang danh nghĩa trường ĐHBK-ĐHQG TPHCM.

2.1 Quy đổi giờ NCKH cho 1 đề tài NCKH/năm

Loại đề tài	Giờ làm việc	Ghi chú
Cấp Nhà nước, nghị định thư	1000	Chủ nhiệm đề tài (CNĐT): 50%; 50% cho tổng các thành viên tham gia và do cho CNĐT quyết định
Cấp ĐHQG loại A	800	Chủ nhiệm đề tài (CNĐT): 50%; 50% cho tổng các thành viên tham gia và do cho CNĐT quyết định
Cấp ĐHQG loại B	700	Chủ nhiệm đề tài (CNĐT): 50%; 50% cho tổng các thành viên tham gia và do cho CNĐT quyết định
Đề tài Nafosted	600	Chủ nhiệm đề tài (CNĐT): 50%; 50% cho tổng các thành viên tham gia và do cho CNĐT quyết định
Cấp ĐHQG loại C, cấp Bộ, Sở	600	Chủ nhiệm đề tài (CNĐT): 50%; 50% cho tổng các thành viên tham gia và do cho CNĐT quyết định
Cấp trường	400	Chủ nhiệm đề tài (CNĐT): 50%; 50% cho tổng các thành viên tham gia và do cho CNĐT quyết định

2.2 Quy đổi giờ NCKH cho 1 bài báo khoa học

Bài báo khoa học	Giờ làm việc
Đăng trên tạp chí KH quốc tế có IF	500
Đăng trên tạp chí KH quốc tế	300
Đăng trên tạp chí KH trong nước theo danh mục HĐCDGDNN có điểm số 1	300
Đăng trên tạp chí KH trong nước theo danh mục HĐCDGDNN có điểm số 0.75	250
Đăng trên tạp chí KH trong nước theo danh mục HĐCDGDNN có điểm số 0.5	200
Đăng trên tạp chí KH trong nước theo danh mục HĐCDGDNN có điểm số 0.25	150
Đăng ký yếu hội nghị KHCN quốc tế (được xuất bản bởi các NXB quốc tế có uy tín)	300

Đăng ký yếu hội nghị KHCN quốc tế	200
Đăng ký yếu hội nghị KHCN thường niên của các hội KHCN	100
Đăng ký yếu hội nghị KHCN của Trường ĐHBK, ĐHQG	50

– Nếu một cán bộ viết trọn bài báo thì được tính 100% giờ NCKH theo nội dung của Bảng quy đổi trên.

– Nếu có 2 đồng tác giả, người chủ trì được coi là đứng tên trước, được tính 65 % khối lượng trong Bảng quy đổi trên. Phần 35 % còn lại được tính cho tác giả thứ 2.

– Nếu có từ 3 đồng tác giả trở lên thì cách tính quy đổi như sau:

- Chủ trì viết bài, được quy ước đứng tên đầu tiên trong danh sách tác giả được tính 50% số giờ.
- Các thành viên khác sẽ được chia đều phần 50% còn lại.

2.3 Quy đổi giờ chuẩn cho phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích

Từ 300-600 giờ làm việc/01 phát minh, sáng chế phụ thuộc giá trị của phát minh, giải pháp. Phòng Khoa học Công nghệ & Dự án có nhiệm vụ chủ trì việc quy đổi này

2.4 Quy đổi giờ CGCN cho 1 hợp đồng CGCN/năm

Giá trị hợp đồng	Giờ làm việc
Trên 1 tỷ đồng	300
Từ 500 triệu đến 1 tỷ đồng	200
Từ 100 → 500 triệu	100
Dưới 100 triệu	50

– Nếu một cán bộ thực hiện trọn vẹn hợp đồng CGCN thì được tính 100% giờ NCKH-CGCN theo nội dung của Bảng quy đổi trên.

– Nếu có 2 cùng tham gia hợp đồng CGCN, người chủ trì được tính 65 % khối lượng trong Bảng quy đổi trên. Phần 35 % còn lại được tính cho người thứ 2.

– Nếu có từ 3 đồng thực hiện trở lên thì cách tính quy đổi như sau:

- Người chủ trì được tính 50% số giờ.
- Các thành viên khác sẽ được chia đều phần 50% còn lại.



PHỤ LỤC 3

Quy đổi giờ biên soạn giáo trình, sách

Điều kiện để được tính giờ làm việc từ biên soạn sách hoặc giáo trình:

- Các ấn phẩm phải mang danh nghĩa trường ĐHBK-ĐHQG TPHCM.
- Các giáo trình, tài liệu tham khảo, hướng dẫn thực tập... phải được công nhận hoặc cho phép sử dụng của Hội đồng thẩm định giáo trình của trường ĐHBK.

Bảng quy đổi giờ biên soạn giáo trình, sách

Nội dung công việc	Giờ làm việc/trang
Biên soạn sách hoặc giáo trình mới	1.5
Biên soạn tài liệu tham khảo, hướng dẫn thực tập	1
Biên soạn sách chuyên khảo	3
Tái bản sách hoặc giáo trình (có bổ sung nội dung)	$\frac{1}{2}$ số giờ so với lần đầu

– Nếu một cán bộ viết sách/giáo trình độc lập được tính 100% giờ theo nội dung của Bảng quy đổi trên.

– Nếu có từ 2 cán bộ cùng tham gia viết sách, người chủ trì được tính 65 % khối lượng trong Bảng quy đổi trên. Phần 35 % còn lại được tính cho người thứ 2.

– Nếu có từ 3 đồng thực hiện trở lên thì cách tính quy đổi như sau:

- Người chủ trì được tính 50% số giờ.
- Các thành viên khác sẽ được chia đều phần 50% còn lại.

Quy đổi một số hoạt động KHCN khác

Hoạt động	Quy đổi
Hợp tác nghiên cứu KH hoặc CGCN với bên ngoài, dưới danh nghĩa của trường hoặc đơn vị chủ quản (dự án, liên doanh...)	▪ 100 giờ làm việc / dự án < 1 năm ▪ 50 giờ làm việc / năm đối với dự án > 1 năm
Báo cáo tại hội nghị khoa học (không đăng kỷ yếu) dưới danh nghĩa trường.	▪ 25 giờ làm việc / báo cáo trong nước ▪ 50 giờ làm việc / báo cáo quốc tế
Báo cáo chuyên đề tại seminar của đơn vị	10 giờ làm việc / chuyên đề
Thành viên hội đồng nghiệm thu đề tài cấp nhà nước (trong và ngoài trường)	15 giờ làm việc / đề tài
Thành viên hội đồng nghiệm thu đề tài cấp Sở hoặc tương đương (trong và ngoài trường)	10 giờ làm việc / đề tài
Thành viên hội đồng nghiệm thu đề tài cấp cơ sở (trong và ngoài trường), bao gồm cả đề tài NCKH sinh viên	5 giờ làm việc / đề tài
Thành viên hội đồng xét duyệt đề tài cấp Sở trở lên	10 giờ làm việc / đề tài
Thành viên hội đồng xét duyệt đề tài cấp cơ sở, bao gồm cả đề tài NCKH SV	5 giờ làm việc / đề tài
Thành viên hội đồng thẩm định, nghiệm thu sách, giáo trình phục vụ cho việc giảng dạy đào tạo	20 giờ làm việc / sách



PHỤ LỤC 4

Quy đổi giờ làm việc của nhiệm vụ chung

STT	Công việc	Quy đổi
Nhóm nhiệm vụ 3A		
1	Thực hành nâng cao chất lượng chuyên môn phục vụ giảng dạy, phương pháp giảng dạy (thông qua: <i>phản hồi tốt từ khảo sát SV, bài giảng điện tử, sử dụng e-learning, v.v...</i>)	10 giờ làm việc /1 thực hành cụ thể trong 1 học kỳ/ Tính theo nhóm lớp (1GV dạy trung bình 6 nhóm lớp/năm = 60 giờ làm việc)
2	Tham gia xây dựng chương trình đào tạo (CTĐT)	▪ Chủ trì: 150 giờ làm việc /1 chương trình ▪ Tham gia – trong hội đồng KH 20 giờ làm việc /1 chương trình ▪ Trong nhóm xây dựng CTĐT : 40-60 giờ làm việc /1 chương trình
3	Tham gia xây dựng mới đề cương môn học đáp ứng chuẩn đầu ra của ngành đào tạo	▪ Chủ trì làm lại (tổng): 20-50 giờ làm việc /1 đề cương (tùy loại: 50 giờ làm việc cho đề cương chuẩn quốc tế như CDIO, ABET...) ▪ Nếu hiệu chỉnh đề cương cũ: 30% khối lượng trên.
4	Tổ chức buổi báo cáo chuyên đề, học thuật cho trường hoặc đơn vị	▪ Chủ trì: 10 giờ làm việc (cấp đơn vị) – 30 giờ làm việc (cấp trường)/1 lần tổ chức. ▪ Thành viên BTC: 5 giờ làm việc (cấp đơn vị) – 15 giờ làm việc (cấp trường)/1 lần tổ chức.
5	Viết bài báo, hoặc đi báo cáo về lĩnh vực giáo dục hoặc chuyên ngành, dưới danh nghĩa trường ĐHBK (không phải bài báo NCKH)	▪ 20 giờ làm việc /1 bài trong nước. ▪ 40 giờ làm việc /1 bài quốc tế.
6	Xây dựng và tham gia nhóm nghiên cứu mạnh, dự án quốc tế/quốc gia/tỉnh/thành mang danh nghĩa Trường (có hoạt động thực tế được công nhận)	Tối đa 50 giờ làm việc /năm
7	Tổ chức - dẫn sinh viên đi thi các cuộc thi quốc gia, quốc tế; hướng dẫn SV làm NCKH các cấp (SV đứng tên chủ nhiệm đề tài). (Có thể chuyển quy đổi sang NV2)	▪ 10 – 30 giờ làm việc /cuộc thi hoặc đề tài trong nước, tùy cấp độ. ▪ 30 – 50 giờ làm việc /cuộc thi hoặc đề tài quốc tế, tùy tầm mức cuộc thi/đề tài. ▪ Nếu đoạt giải thưởng thì được cộng thêm 30% số giờ làm việc đã nhận cho mỗi giải.

8	Chứng chỉ chuyên môn, nghiệp vụ phục vụ trực tiếp hoặc theo yêu cầu của vị trí công việc đương nhiệm (ví dụ: <i>Triết học, PP GDDH, PP NCKH, QL giáo dục, QL hành chính, kế toán, đảm bảo chất lượng, v.v...</i>)	100 giờ làm việc /1 chứng chỉ
9	Chứng chỉ hỗ trợ nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc theo định hướng của Nhà trường và đơn vị (ví dụ: <i>Anh văn TOEFL 550+ hoặc TOEFL iBT 80+, TOEIC 780+, IELTS 6.5+, GMAT/GRE, Tin học nâng cao, v.v...</i>)	100 giờ làm việc /1 chứng chỉ
10	Tham dự các hội thảo chuyên ngành để tự bồi dưỡng chuyên môn (không có báo cáo, nhưng có giấy xác nhận của đơn vị tổ chức)	▪ 5 giờ làm việc /hội thảo trong nước ▪ 10 giờ làm việc /hội thảo quốc tế
Nhóm nhiệm vụ 3B		
1	Hướng dẫn GV/CB tập sự	45 giờ làm việc /GVTS/năm học (theo 904/QĐ-ĐHBK-TCHC)
2	<i>Tham gia công tác lãnh đạo đoàn thể:</i> BCH Công đoàn đơn vị, CB chủ chốt của Đoàn – Hội SV, trợ lý quản lý khoa/bộ môn... (không được hưởng phụ cấp trách nhiệm)	▪ 30 – 50 giờ làm việc /năm, đối với cấp trường, tùy theo mức độ trách nhiệm. ▪ 10 – 30 giờ làm việc /năm, đối với cấp đơn vị, tùy theo mức độ trách nhiệm.
3	<i>Hỗ trợ trường, đơn vị trong công tác đối ngoại</i> (không thuộc chức năng nhiệm vụ của vị trí đương nhiệm), hỗ trợ/tư vấn cho các đơn vị khác trong trường, v.v... (có xác nhận của đơn vị).	▪ Tối đa 50 giờ làm việc /năm theo đề xuất của đơn vị; hoặc ▪ Được xác định cụ thể (số giờ làm việc) trong Quyết định phân công của Nhà trường/đơn vị.
4	<i>Hỗ trợ trường, đơn vị trong công tác sinh viên – cựu SV và hướng nghiệp</i> , giao lưu ra bên ngoài, kiêm nhiệm GV chủ nhiệm, Trợ lý SV, v.v...	▪ Tối đa 50 giờ làm việc /năm theo đề xuất của đơn vị; hoặc ▪ Được xác định cụ thể (số giờ làm việc) trong Quyết định phân công của Nhà trường/đơn vị.
5	Trực chuyên môn tại bộ môn/đơn vị	▪ 4 giờ làm việc /buổi ... (30 tuần x 3 buổi x 4 = 360 giờ làm việc)
6	Tham gia sinh hoạt cấp đơn vị - cấp trường (hoạt động thường xuyên theo quy định hành chính của Trường hoặc đơn vị)	▪ Đầy đủ: 30 giờ làm việc /năm
7	Tham gia các dự án chiến lược, hỗ trợ hoặc cải tiến các hoạt động của Trường hoặc đơn vị.	▪ 40 giờ làm việc /dự án chiến lược của Trường ▪ 25 giờ làm việc /dự án chiến lược của đơn vị ▪ 15 giờ làm việc /dự án hỗ trợ hoặc cải tiến hoạt động của Trường ▪ 10 giờ làm việc /dự án hỗ trợ hoặc cải tiến hoạt động của đơn vị

8	Tham gia các hoạt động văn thể mỹ, các sự kiện chung của Trường hoặc đơn vị.	▪ 10-30 giờ làm việc do công đoàn chấm điểm – xác nhận.
9	Kiểm nhiệm công tác quản lý cấp cơ sở (tính theo hệ số trách nhiệm)	▪ 150 giờ làm việc /hệ số trách nhiệm/năm ▪ Được chuyển đổi qua các nhiệm vụ khác (nếu cần).

